

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	14%	25%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	4%	4%

2. Kết quả thu chi hoạt động

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	632.376	607.458
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	48.564	47.531
II	Thu giáo dục và đào tạo	520.000	497.379
1	Học phí, lệ phí từ người học	500.000	456.201
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác	20.000	41.178
III	Thu khoa học và công nghệ	23.812	23.440
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	6.812	6.009
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	15.000	15.505
3	Thu khác	2.000	1.926
IV	Thu khác (thu nhập ròng)	40.000	39.108
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG		
I	Chi lương, thu nhập	301.032	273.665
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	216.772	197.065
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	84.260	76.600
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	175.812	159.219
1	Chi cho đào tạo	75.000	74.743
2	Chi cho nghiên cứu	35.812	23.440
3	Chi cho phát triển đội ngũ	5.000	4.000
4	Chi phí chung và chi khác	60.000	57.036
III	Chi hỗ trợ người học		
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	40.000	33.700
2	Chi hoạt động nghiên cứu	12.000	12.810
3	Chi hoạt động khác		
IV	Chi khác	44.000	47.181
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	59.532	80.883
1	Trích lập các quỹ và KP cải cách tiền lương	59.532	80.883
D	Kinh phí trợ cấp xã hội và miễn giảm học phí	3.800	3.945